TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 558/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/12/2024
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều

2. Ông Châu Văn Bình

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Cao Thị Thuỳ Trang, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Ông Ngô Thành Khánh E – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 462/2024/TLST-HN ngày 14/10/2024 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2024/QĐXX – ST ngày 06 tháng 11 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 202/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Trương Thị A – sinh năm: 1970;

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

***Bị đơn:** Bùi Văn D - sinh năm: 1972;

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trương Thị A trình bày:***

- Về tình cảm: Tôi và anh D sống chung với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vào năm 1990. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù chúng tôi đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Nay tôi không còn tình cảm với anh D nên tôi xin ly hôn với anh D.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Bùi Trương Dương Phước E – sinh năm 1993; Bùi Trương Dương Ngọc G – sinh năm 1996; Bùi Trương Dương Phúc H – sinh năm 2002. Cả ba con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bùi Văn D trình bày:***

- Về tình cảm: Tôi và chị A sống chung nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vào năm 1990. Quá trình chung sống thì không có mâu thuẩn gì lớn chỉ là mâu thuẩn những chuyện nhỏ nhặt. Tôi còn thương bà A nên tôi không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Bùi Trương Dương Phước E – sinh năm 1993; Bùi Trương Dương Ngọc G – sinh năm 1996; Bùi Trương Dương Phúc H – sinh năm 2002. Cả ba con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên toà, nguyên đơn bà Trương Thị A trình bày***: bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà và ông D có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào năm 1990, bà yêu cầu ly hôn với ông D. Bà thừa nhận hiện nay hai vợ chồng vẫn còn sống chung nhà, khi đi làm về thì ai về trước sẽ nấu cơm ăn chung, khi ly hôn xong bà vẫn sống chung nhà với ông D và các con nhưng bà và ông D hay cải vã, mâu thuẩn nên bà muốn ly hôn.

**** Tại phiên toà, bị đơn ông Bùi Văn D trình bày:*** ông vẫn giữ nguyên ý kiến, ông và bà A có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào năm 1990, không đồng ý ly hôn với bà A vì ông còn thương bà A, vợ chồng không có mâu thuẩn gì lớn, vẫn còn sống chung nhà, vẫn nấu cơm ăn chung, cùng sinh hoạt chung, bà A ăn chay còn ông ăn mặn nhưng nấu cơm thì vừa làm đồ ăn chay cho bà A vừa làm đồ ăn mặn cho ông và các con.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị A. Cả 03 con chung Bùi Trương Dương Phước E – sinh năm 1993; Bùi Trương Dương Ngọc G – sinh năm 1996; Bùi Trương Dương Phúc H – sinh năm 2002 đều đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung: tự thoả thuận. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông D, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Do ông D cư trú tại: ấp B, xã C, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về việc bà A và ông D có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, khi khởi kiện bà A có cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn giữa bà A và ông D được chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã C chứng thực số 0228 ngày 30 tháng 6 năm 2022, bà A và ông D trình bày đã mất bản chính giấy chứng nhận kết hôn. Qua công văn trả lời số 07 ngày 08/11/2024 của Uỷ ban nhân dân xã C, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và Biên bản xác minh ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo thì bà Trương Thị A và ông Bùi Văn D có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào ngày 11 tháng 8 năm 1990, tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn năm 1990 thì UBND xã C không có lưu vào sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn nên UBND xã không thể trích lục giấy chứng nhận kết hôn giữa bà A và ông D. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà A và ông D có đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 8 năm 1990 tại UBND xã C nên mối quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông D là hợp pháp, có đăng ký kết hôn.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà A, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà A trình bày ông bà chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào ngày 11 tháng 8 năm 1990, quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù chúng tôi đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được, nay bà không còn tình cảm với ông D nên bà xin ly hôn với ông D. Ông D trình bày ông và bà A sống chung với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 11 tháng 8 năm 1990, quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là những chuyện nhỏ nhặt, ông còn thương bà A nên ông không đồng ý ly hôn. Lời trình bày của ông D là có căn cứ, bởi lẽ hiện nay ông D và bà A vẫn sống chung nhà, hai vợ chồng vẫn cùng nhau ăn uống, sinh hoạt chung, ông D không đồng ý xin ly hôn, muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng; còn bà A cho rằng mâu thuẫn giữa bà và ông D không thể hàn gắn được nhưng bà không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho rằng ông bà mâu thuẫn gay gắt, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; ngoài ra, bà A còn trình bày sau khi ly hôn bà Vẫn sống chung nhà với ông D và các con, từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà và ông D không trầm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[5] Về con chung: Có 03 con chung tên Bùi Trương Dương Phước E – sinh năm 1993; Bùi Trương Dương Ngọc G – sinh năm 1996; Bùi Trương Dương Phúc H – sinh năm 2002. Cả ba con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Tự thoả thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Bà A là người nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, do đó, bà A sẽ chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về tình cảm: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị A.

2. Về án phí: Bà Trương Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí theo biên lai thu số 0008021 ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**